

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 486/2026/DS-ST

Ngày: 27/3/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Quang Hòa
- Bà Dương Triều Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 495/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 618/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 26/5/1981; Căn cước số 079081019252 do Bộ C cấp ngày 29/9/2024

Địa chỉ: A Lô K, Cư xá B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hà Thúy H, sinh năm 1959 (theo Giấy ủy quyền số công chứng: 001961, quyền số 04/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/4/2025 tại Văn phòng C1) (Có mặt)

Bị đơn: Ông Vũ Quốc Đ, sinh năm: 1967; Chứng minh nhân dân số B (Vắng mặt)

Địa chỉ: B C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Ngọc H1, sinh năm: 1968; Căn cước công dân số 051168000339

Địa chỉ: B C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình N1, sinh năm 1975 (theo Giấy ủy quyền số công chứng: 002827, quyền số 06/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/6/2025 tại Văn phòng C1) (Có đơn xin vắng mặt)

- Bà Bùi Thị Minh P, sinh ngày 10/4/1985; Chứng minh nhân dân số

273138655 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số A Lô K, Cư xá B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 29/8/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N do bà Hà Thúy H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 20/12/2022, ông Nguyễn Hoàng N có cho ông Vũ Quốc Đ vay số tiền là 1.500.000.000 (một tỷ, năm trăm triệu) đồng, các bên ký kết và xác nhận theo Giấy vay tiền vào cùng ngày. Theo đó, ông N cho ông Đ vay số tiền nêu trên trong thời hạn 06 (sáu) tháng với lãi suất tự thỏa thuận. Khi cho vay ông Đ có đưa cho ông N một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 386584, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02703 do Ủy ban nhân dân Quận H2 cấp ngày 18/8/2014. Việc giao giấy chứng nhận này để tạo sự tin tưởng cho việc sẽ trả nợ đúng hạn của ông Đ, không phải thế chấp tài sản. Tuy nhiên, khi hết thời hạn vay theo Giấy vay tiền ngày 20/12/2022, ông Đ không trả số tiền vay này cho ông N như đã cam kết.

Đến ngày 20/8/2024, ông Đ và vợ là bà Huỳnh Ngọc H1 có gặp ông N xin mượn lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để thế chấp ngân hàng lấy tiền trả nợ. Vì tin tưởng nên ông N đã đưa lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Đ, bà H1. Ngày 28/8/2024, bà H1 có chuyển trả cho ông N số tiền 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng, số tiền còn lại là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng thì ông Đ hẹn đến ngày 01/10/2024 sẽ trả hết. Tới ngày hẹn, ông N nhiều lần gọi điện thoại để yêu cầu thanh toán nhưng ông Đ không nghe máy.

Việc ông Đ không trả số tiền vay cho ông N đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả cho ông N số tiền nợ còn lại là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi, trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Do ông Đ vẫn cố tình trốn tránh, không có thiện chí trả nợ dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nên ngày 29/8/2025, ông N có đơn khởi kiện bổ sung về việc yêu cầu ông Đ và bà H1 cùng có trách nhiệm trả lại số tiền gốc là 300.000.000 đồng và yêu cầu bổ sung về việc trả lãi đối với số tiền trên, cụ thể:

- Yêu cầu ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 cùng có trách nhiệm trả lại số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng;

- Yêu cầu ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền lãi là 280.000.000 đồng, cụ thể:

- Tiền lãi từ ngày 20/12/2022 đến ngày 27/8/2024 (số tiền nợ gốc là 1.500.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm) là 250.000.000 đồng;

- Tiền lãi từ ngày 28/8/2024 đến ngày 28/8/2025 (số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng với lãi suất 10%/năm) là 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông N yêu cầu ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 phải thanh toán tạm tính đến ngày 29/8/2025 là 580.000.000 đồng. Đề nghị ông Đ và bà H1 thanh toán các khoản tiền trên cho ông N một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Khoản tiền ông N cho ông Đ vay là tiền riêng của ông N, không liên quan gì đến vợ ông là bà Bùi Thị Minh P.

** Theo bản tự khai ngày 30/7/2025, ngày 24/3/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc H1 do ông Lê Đình N1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bà Huỳnh Ngọc H1 là vợ ông Vũ Quốc Đ. Ông Đ vay tiền của ông N để làm ăn riêng, vì vậy đây là khoản vay riêng của ông Đ, ông Đ không thông báo hay bàn bạc gì với bà H1. Giữa bà H1 và ông Đ ít có tiếng nói chung với nhau nên việc tiền bạc không liên quan. Nếu biết việc ông Đ vay tiền từ ông N thì bà H1 chắc chắn không đồng ý để ông Đ đi vay. Số tiền ông Đ vay từ ông N, ông Đ không mang về cho bà H1 hay dùng cho gia đình mà ông Đ dùng riêng. Sau này ông N đến nhà đòi khoản tiền này và vì ông N có nắm giữ giấy tờ nhà cho nên bà H1 mới xoay sở tiền được 1.200.000.000 đồng để trả cho ông N và thương lượng lấy lại giấy tờ nhà.

Bản thân ông Vũ Quốc Đ cũng nói số tiền 300.000.000 đồng còn lại sẽ do ông tự thanh toán lại cho ông N, không ảnh hưởng hay không yêu cầu vợ ông trả thay ông.

Như vậy, việc giao dịch vay mượn số tiền 1.500.000.000 đồng là từ một mình ông Vũ Quốc Đ không liên quan đến bà Huỳnh Ngọc H1. Bà H1 không có hành vi vi phạm nghĩa vụ nào trong giao dịch này. Khi bà H1 biết cũng đã tự bỏ tiền ra khắc phục thay cho chồng nhằm chuộc lại tài sản dành cho con chung. Vì vậy, số tiền còn lại là 300.000.000 đồng ông Đ phải có trách nhiệm thanh toán cho ông N. Bà H1 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà H1 phải có trách nhiệm cùng ông Đ thanh toán số tiền gốc còn lại là 300.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt cho ông Vũ Quốc Đ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo hòa giải theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Vũ Quốc Đ không đến làm việc và hòa giải nên không ghi được ý kiến của ông Đ. Ngày 02/12/2025, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Vũ Quốc Đ vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ, đồng thời đại diện nguyên đơn là bà Hà Thúy H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi là 280.000.000 đồng và xác định chỉ yêu cầu ông Đ, bà H1 có trách nhiệm liên đới trả lại số nợ gốc là 300.000.000 đồng.

- Bị đơn là ông Vũ Quốc Đ: vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Ngọc H1 (do ông Lê Đình N1 là người đại diện theo ủy quyền) và bà Bùi Thị Minh P có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, nguyên đơn yêu cầu ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 thanh toán tổng số tiền là 580.000.000 đồng, trong đó nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/8/2025 là 280.000.000 đồng. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi, xác định nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ và bà H1 liên đới trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bà H1 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông Đ, xét thấy người ký giấy vay tiền của nguyên đơn chỉ có ông Đ, bà H1 không ký vay tiền; nguyên đơn không chứng minh được khoản vay là nghĩa vụ chung của vợ chồng theo Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Ngày 28/8/2024, bà H1 có chuyển khoản trả tiền giúp ông Đ nhưng nội dung thể hiện trả thay chứ không phải thừa nhận nghĩa vụ trả nợ; bà H1 không có thỏa thuận nào bảo lãnh cho khoản vay của ông Đ; bà H1 không đồng ý liên đới cùng ông Đ trả nợ nên không có căn cứ buộc bà H1 cùng chịu trách nhiệm trả nợ với ông Đ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đ phải trả số tiền 300.000.000 đồng: căn cứ các giấy vay tiền, chứng từ chuyển khoản, lời trình bày của các đương sự có cơ sở xác định ông Đ còn nợ ông N số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là tháng 10/2024 nhưng ông Đ chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Đ trả số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đ phải trả số tiền lãi: do nguyên đơn rút yêu cầu này nên có cơ sở đình chỉ theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Vũ Quốc Đ phải trả cho ông Nguyễn Hoàng N số tiền 300.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Huỳnh Ngọc H1 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông Vũ Quốc Đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền lãi là 280.000.000 đồng.

Về án phí: các đương sự chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền của Tòa án: Xét đơn khởi kiện của ông Vũ Quốc Đ, xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Căn cứ xác minh của Công an P1, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh, ông Vũ Quốc Đ có hộ khẩu thường trú tại B C, Phường D, Quận H (nay là phường C), Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thực tế cư trú tại đây. Nhà bán từ năm 2012, chuyển đi đâu không rõ. Như vậy thời điểm ông Nguyễn Hoàng N nộp đơn khởi kiện ông Vũ Quốc Đ vào ngày 14/10/2024, do không biết nơi cư trú của ông Đ nên ghi địa chỉ của người bị kiện là nơi cư trú cuối cùng tại nhà B C, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại phường C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Vũ Quốc Đ đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ ba mà vẫn vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc ông Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về thủ tục xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị Minh P và đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Ngọc H1 là ông Lê Đình N1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.4. Về tư cách tham gia tố tụng của bà Bùi Thị Minh P (vợ của ông Nguyễn Hoàng N): Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 200, quyển số 02/2004 ngày 09/12/2004 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A thể hiện ông Nguyễn Hoàng N và bà Bùi Thị Minh P là vợ chồng hợp pháp. Căn cứ Đơn trình bày ý kiến ngày 07/3/2025 của bà P cùng lời khai của ông N thể hiện số tiền ông N cho ông Đ vay là tài sản riêng của ông N. Bà P không liên quan và không có ý kiến, yêu cầu gì đối với số tiền này. Như vậy, có cơ sở xác định ông N là người có quyền đòi ông Đ và bà H1 trả số tiền còn nợ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N khởi kiện yêu cầu ông bị đơn ông Vũ Quốc Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; bị đơn vắng mặt không ghi nhận được ý kiến còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Ngọc H1 không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ giấy vay tiền ký kết giữa ông N và ông Đ ngày 20/12/2022 thể hiện ông N cho ông Đ vay số tiền là 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất tự thỏa thuận. Khi cho vay ông Đ có đưa cho ông N một bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 386584, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02703 do Ủy ban nhân dân Quận H2 cấp ngày 18/8/2014. Việc giao giấy chứng nhận này để tạo sự tin tưởng cho việc sẽ trả nợ đúng hạn của ông Đ, không phải thế chấp tài sản.

Ngày 28/8/2024, bà H1 có chuyển trả cho ông N số tiền 1.200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng, số tiền còn lại là 300.000.000 đồng được ông Đ xác nhận với ông N theo văn bản cùng ngày 28/8/2024 và hẹn đến ngày 01/10/2024 sẽ trả hết. Đồng thời, ông Đ xác nhận đã nhận lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà H1 và ông Đ là vợ chồng hợp pháp, khoản vay giữa ông Đ và ông N được xác lập trong thời kỳ hôn nhân của ông Đ, bà H1. Mặc dù khi ký giấy vay tiền chỉ có mình ông Đ ký tên nhưng người trả phần lớn số tiền vay (trả 1.200.000.000 đồng trong tổng số tiền vay 1.500.000.000 đồng) cho ông N là bà H1, qua đó thể hiện bà H1 đã biết và cùng có trách nhiệm trả nợ với ông Đ. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đ và bà H1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc còn lại là 300.000.000 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông Đ cam kết đến ngày 01/10/2024 sẽ trả hết số tiền 300.000.000 đồng cho ông N nhưng đến nay vẫn không thực hiện là đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn trả tiền. Việc vay tiền đã lâu nhưng ông Đ, bà H1 không trả được tiền nợ gốc cho ông N, nếu kéo dài sẽ gây thiệt hại đến quyền lợi của ông N, do đó chấp nhận yêu cầu của ông N buộc ông Đ, bà H1 phải liên đới trả ngay cho ông N số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/8/2025, ông N yêu cầu ông Đ và bà H1 cùng có trách nhiệm trả số tiền lãi là 280.000.000 đồng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lãi, xác định nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ và bà H1 liên đới trả số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng. Xét đây là sự tự nguyện của ông Nguyễn Hoàng N và có lợi cho ông Vũ Quốc Đ, bà Huỳnh Ngọc H1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này của ông N.

[3] Bị đơn là ông Vũ Quốc Đ đã được Tòa án thông báo, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự để trình bày ý kiến, thông báo và giấy triệu tập đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi đến Tòa án. Như vậy, ông Đ đã tự từ bỏ việc thực hiện quyền cung cấp chứng cứ, chứng minh, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án giải quyết vụ án trên cơ sở chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Huỳnh Ngọc H1 liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng ông Vũ Quốc Đ là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận như nhận định ở trên.

[5] Về án phí: Ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 phải liên đới chịu án phí theo quy định. Trả lại cho ông Nguyễn Hoàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng N.

Buộc ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng N số tiền là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng N về việc buộc ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi là 280.000.000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Vũ Quốc Đ và bà Huỳnh Ngọc H1 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

Ông Nguyễn Hoàng N được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 (bảy triệu, năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0030658 ngày 01/11/2024

của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và biên lai thu tiền số 0020016 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Ông Nguyễn Hoàng N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Vũ Quốc Đ, bà Huỳnh Ngọc H1 và bà Bùi Thị Minh P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được thông báo, được tổng đạt hoặc được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV10 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

